

**Danh mục bổ sung các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2023**

| STT | Tên công trình                            | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                     |                                     | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|
|     |   |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ | Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng |  |
| 1   | Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ | Xuân Đông            | Cẩm Mỹ           | 3,01                    | 0,18                            |                                     |                                     | Văn bản số: 01.06/CV-PL ngày 01/06/2022 của Công ty TNHH Cải thiện môi trường và sản xuất phân bón Thanh Long về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cho dự án "Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ" tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ |
| 2   | Kho KV1                                   | Tân An               | Vĩnh Cửu         | 19,00                   | 0,84                            |                                     |                                     | Văn bản số 866/BCH-TM ngày 25/03/2022 của Bộ quốc phòng về chấp thuận chủ trương di dời kho V1 từ xã Sông Trầu sang xã Tân An  |
| 3   | Kho xưởng (Huỳnh Kim Sơn)                 | Thiện Tân            | Vĩnh Cửu         | 1,47                    | 0,45                            |                                     |                                     | Quyết định chủ trương đầu tư số 2806/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh   |
| 4   | Nhà kho (Nguyễn Duy Linh)                 | Thiện Tân            | Vĩnh Cửu         | 1,19                    | 0,20                            |                                     |                                     | Đơn xin đăng ký KHSDĐ năm 2023   |
| 5   | Nhà kho (Trần Hải Ngọc)                   | Vĩnh Tân             | Vĩnh Cửu         | 1,23                    | 0,35                            |                                     |                                     | Đơn xin đăng ký KHSDĐ năm 2023   |
| 6   | Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch  | Thạnh Phú, Bình Lợi  | Vĩnh Cửu         | 14,40                   | 8,00                            |                                     |                                     | - Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 25/08/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai Vv chấp thuận chủ trương đầu tư công trình<br>- Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định kế hoạch đầu tư công tỉnh Đồng Nai năm 2023     |
| 7   | Trang trại trồng nấm xã Lộ 25             | Lộ 25                | Thống Nhất       | 2,85                    | 2,31                            |                                     |                                     | Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư   |

| STT | Tên công trình                             | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--|
|     |  |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |  |
| 8   | Khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Lộ 25 | Lộ 25                | Thống Nhất       | 19,99                   | 3,40                            |                                  |                                | Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư   |
| 9   | Mạch 2 đường dây 220kV Bảo Lộc - Sông Mây  | Các xã               | Thống Nhất       | 1,00                    | 0,63                            |                                  |                                | Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai. Điều chỉnh diện tích đất lúa cho phù hợp thiết kế kỹ thuật theo kiến nghị của Ban quản lý dự án các công trình điện miền nam   |
| 10  | Đường vào trường THCS Lý Tự Trọng          | Lộ 25                | Thống Nhất       | 0,34                    | 0,16                            |                                  |                                | Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND huyện Thống Nhất về chủ trương đầu tư dự án Đường vào Trường THCS Lý Tự Trọng<br>Quyết định số 5236/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (lần 4); Kế hoạch đầu tư công năm 2023 |
| 11  | Trị An Lake View                           | Gia Tân 1            | Thống Nhất       | 33,72                   | 0,64                            | 6,11                             |                                | Quyết định chủ trương đầu tư số 3816/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai  |
| 12  | Đường Cầu ông Bò đi thành phố Long Khánh   | Xuân Thiện           | Thống Nhất       | 4,43                    | 0,10                            |                                  |                                | Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thống Nhất   |
| 13  | Trung tâm Hành chính thị trấn Hiệp Phước   | Hiệp Phước           | Nhon Trạch       | 2,00                    | 2,00                            | 0,92                             |                                | Dự án Trung tâm Hành chính thị trấn Hiệp Phước được UBND huyện Nhơn Trạch phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3803/QĐ-UBND ngày 14/10/2021.<br>Chủ đầu tư đang đo vẽ lập bản đồ địa chính để thực hiện dự án.  |

| STT | Tên công trình                           | Xã, phường, thị trấn              | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|-----------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |  |                                   |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 14  | Trung tâm Hành chính thị trấn Hiệp Phước | Đại Phước                         | Nhơn Trạch       | 2,10                    | 2,10                            | 0,36                             |                                | Dự án Trung tâm Hành chính xã Đại Phước được UBND huyện Nhơn Trạch phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 14/10/2021.<br>Chủ đầu tư đang đo vẽ lập bản đồ địa chính để thực hiện dự án.  |
| 15  | Đường vào KCN Ông Kèo                    | Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh | Nhơn Trạch       | 34,15                   | 34,15                           | 2,90                             |                                | Quyết định số 3339/QĐ - UBND huyện 03/5/2017 của UBND huyện duyệt chủ trương đầu tư dự án (dự án nhóm C).<br>Ngày 31/10/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 5884/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường chắn nước nối dài đến KCN 1, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch.<br>Chủ đầu tư đã đo vẽ lập bản đồ địa chính để thực hiện dự án. |

| STT | Tên công trình   | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |   | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---|----------------|
|     |  |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc  |                |
| 16  | Đường vào khu dân cư Sen Việt  | Phú Hữu              | Nhon Trạch       | 1,47                    | 1,47                            | 0,90                             | <p>Dự án nằm trong Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 26/9/2014 của HĐND tỉnh Đồng Nai nhưng dự án đã thay đổi diện tích thu hồi.</p> <p>Dự án được UBND tỉnh ban Quyết định chủ trương đầu tư số 2482/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 24/02/2023</p> <p>- Dự án được UBND huyện ban hành 38 Thông báo thu hồi đất từ số 90/TB-UBND đến 128/TB-UBND ngày 18/3/2019. Đến nay đã hoàn thành công tác kiểm kê và xác nhận nguồn gốc đất xong</p> <p>Do đó, kiến nghị xem xét tiếp tục bổ sung vào danh mục thu hồi đất để triển khai thực hiện công tác thu hồi đất.</p> |                |
| 17  | Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Biên Hòa và Trụ sở Ban tiếp công dân | Thống Nhất           | Biên Hòa         | 0,60                    | 0,60                            |                                  | <p>Văn bản số 1176/BQLDA-DA ngày 07/9/2022 của BQLDA thành phố Biên Hòa về việc cập nhật danh mục và đăng ký kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2022 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 dự án đầu tư xây dựng mới Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Biên Hòa và Trụ sở Ban tiếp công dân thành phố</p> <p>- Văn bản số 12102/UBND-KTN ngày 25/8/2022 của UBND thành phố Biên Hòa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng mới Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Biên Hòa và Trụ sở Ban tiếp công dân thành phố</p>                                     |                |

| STT | Tên công trình   | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |  |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 18  | Gia cố bờ sông khu vực trụ T9 cầu Bửu Hòa, phường Hiệp Hòa     | Hiệp Hòa             | Biên Hòa         | 1,07                    | 0,02                            |                                  |                                | <p>Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư dự án.</p> <p>- Quyết định số 5534/QĐ-UBND ngày 08/08/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về duyệt BCNCKT.</p> <p>- Tờ trình số 9350/TTr-UBND ngày 07/7/2022 của UBND thành phố Biên Hòa cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách thành phố Biên Hòa.</p>   |
| 19  | Xây dựng tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K | Bửu Hòa;<br>Tân Vạn  | Biên Hòa         | 11,28                   | 2,05                            |                                  |                                | <p>- Công văn số 05/BH-KHKT ngày 22/8/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Bửu Hòa về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Biên Hòa;</p> <p>- Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K, thành phố Biên Hòa, theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT);</p> <p>- Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K, thành phố Biên Hòa, theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)</p> |

| STT | Tên công trình                                       | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |  |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 20  | Đường nối từ đường ven sông Cái đến đường Võ Thị Sáu | Thống Nhất           | Biên Hòa         | 1,10                    | 0,13                            |                                  |                                | Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa. |

| STT | Tên công trình                                      | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |   |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 21  | Trạm Biến áp 110 kV Giang Điền và đường dây đầu nối | Phước Tân, Tam Phước | Biên Hòa         | 0,75                    | 0,16                            |                                  |                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 5467/QLĐMN-QLCTĐ1 ngày 16/8/2022 của BQLDA điện lực miền Nam về việc đánh giá KHSDD năm 2022 và đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2023 cho các công trình điện 110kV trên địa bàn thành phố Biên Hòa</li> <li>- Văn bản số 6989/UBND-KTN ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xin ý kiến vị trí lắp đặt trụ mới 6A công trình trạm 110kV Giang Điền và đường dây đầu nối trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</li> <li>- TBKL số 5320/TB-UBND ngày 18/5/2021 của đồng chí Võ Tấn Đức - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai;</li> <li>- Văn bản số 4997/AĐLMN-QLCTĐ1 ngày 13/8/2021 của BQLDA Điện lực miền nam v/v rà soát đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2022 cho các công trình điện 110kV trên địa bàn TP.BH của UBND tỉnh Đồng Nai 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV Giang Điền.</li> <li>- Các thông báo thu hồi đất số 1786 đến 1793/TB-UBND ngày 24/7/2020 của thành phố Biên Hòa.</li> <li>- VB số 8318/UBND-KTN ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh hướng</li> </ul> |

| STT | Tên công trình  | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |   |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 22  | Hạ tầng khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,30 ha | Bửu Long             | Biên Hòa         | 6,30                    | 3,90                            |                                  |                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc sử đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm</li> <li>- Quyết định Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu: Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND Tỉnh Đồng Nai</li> <li>- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch: Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND thành phố Biên Hòa.</li> <li>- QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1).</li> </ul> |



| STT | Tên công trình  | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--|
|     |   |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |  |
| 23  | Các khu đất dọc tuyến Đường Hương lộ 2 giai đoạn 1 (04 khu đất) | An Hòa               | Biên Hòa         | 44,12                   | 7,69                            |                                  |                                | <p>Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai</p> <p>'- Văn bản số 11048/UBND-KTN ngày 02/8/2021 của UBND thành phố về việc danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật về đất đai</p> <p>- Văn bản số 12445/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025</p> |

| STT | Tên công trình  | Xã, phường, thị trấn   | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--|
|     |   |                        |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |  |
| 24  | Các khu đất dọc tuyến đường nối từ ngã tư Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu | Trung Dũng, Thống Nhất | Biên Hòa         | 25,55                   | 4,69                            |                                  |                                | <p>Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai</p> <p>'- Văn bản số 11048/UBND-KTN ngày 02/8/2021 của UBND thành phố về việc danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật về đất đai</p> <p>- Văn bản số 12445/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025</p> |

| STT | Tên công trình                           | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--|
|     |  |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |  |
| 25  | Khu dân cư theo quy hoạch                | Hóa An               | Biên Hòa         | 9,80                    | 4,45                            |                                  |                                | <p>- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai</p> <p>'- Văn bản số 11048/UBND-KTN ngày 02/8/2021 của UBND thành phố về việc danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật về đất đai</p> <p>- Văn bản số 12445/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025</p> |
| 26  | Trạm xăng dầu Vũ Đại Phát                | Hiệp Hòa             | Biên Hòa         | 0,26                    | 0,26                            |                                  |                                | <p>- Công văn số 6028/UBND-KTN ngày 17/05/2022 của UBND thành phố Biên Hòa về việc Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát và Công ty TNHH Xăng dầu Vũ Đại Phát đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố</p>   |
| 27  | Trung tâm thương mại tại phường Hiệp Hòa | Hiệp Hòa             | Biên Hòa         | 11,66                   | 5,37                            |                                  |                                | <p>Công văn số 6028/UBND-KTN ngày 17/05/2022 của UBND thành phố Biên Hòa về việc Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát và Công ty TNHH Xăng dầu Vũ Đại Phát đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố</p>   |

| STT | Tên công trình            | Xã, phường, thị trấn            | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |                           |                                 |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 28  | Khu dân cư theo quy hoạch | Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh | Biên Hòa         | 15,98                   | 2,81                            |                                  |                                | Văn bản số 11048/UBND-KTN ngày 02/8/2021 của UBND thành phố về việc danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật về đất đai<br>- Văn bản số 12445/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025 |
| 29  | Khu dân cư theo quy hoạch | Hóa An                          | Biên Hòa         | 1,09                    | 0,99                            |                                  |                                | - Văn bản số 11048/UBND-KTN ngày 02/8/2021 của UBND thành phố về việc danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật về đất đai<br>Văn bản số 12445/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025 |

| STT | Tên công trình   | Xã, phường, thị trấn                   | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |  |  |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 30  | Quỹ đất vùng phụ cận (dự án đường ven sông Đồng Nai đoạn từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh)              | Hóa An, Bửu Hòa                        | Biên Hòa         | 18,73                   | 0,12                            |                                  |                                | - Văn bản số 11048/UBND-KTN ngày 02/8/2021 của UBND thành phố về việc danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật về đất đai<br>- Văn bản số 12445/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025 |
| 31  | Quỹ đất vùng phụ cận (dự án đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản) | Thông Nhất; Tân Mai; Tam Hiệp; An Bình | Biên Hòa         | 49,95                   | 2,21                            |                                  |                                | - Văn bản số 11048/UBND-KTN ngày 02/8/2021 của UBND thành phố về việc danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật về đất đai<br>- Văn bản số 12445/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025 |
| 32  | Trường THCS Phú Lâm  | Phú Lâm                                | Tân Phú          | 0,69                    | 0,17                            |                                  |                                | - QĐ phê duyệt chủ trương số 987/QĐ-UBND ngày 31/3/2022<br>- Bỏ trí vốn trong năm 2023 tại kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND huyện Tân Phú  |

| STT | Tên công trình   | Xã, phường, thị trấn   | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---|
|     |  |  |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |   |
| 33  | Dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT.774B (Tà Lài - Trà Cỏ) | Nam Cát Tiên, Trà Cỏ, Phú Lập, Phú Điền, Phú Lộc, Phú Thịnh, Núi Tượng và thị trấn Tân Phú | Tân Phú          | 54,85                   | 2,51                            |                                  |                                | Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;<br>- Bỏ trí vốn tại quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh Đồng Nai năm 2022.  |
| 34  | Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà                             | Phú Bình   | Tân Phú          | 12,55                   | 9,80                            |                                  |                                | Văn bản số 163/TTBVTV&TL-TL ngày 28/02/2023 của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi về việc /v đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, huyện Tân Phú.<br>- Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 về quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;<br>- Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh năm 2022; kéo dài thời gian bỏ trí vốn thực hiện một số dự án. |

| STT | Tên công trình                          | Xã, phường, thị trấn | Huyện, thành phố | Diện tích kế hoạch (ha) | Trong đó:                       |                                  |                                | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|----------------------|------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--|
|     |   |                      |                  |                         | Diện tích sử dụng đất trồng lúa | Diện tích sử dụng đất rừng phòng | Diện tích sử dụng đất rừng đặc |  |
| 35  | Đường Trần Phú (N7) thị trấn Long Thành | thị trấn Long Thành  |                  | 13,33                   | 1,00                            | -                                |                                | <p>Đã được HĐND huyện thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/9/2022; Quyết định số 9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND huyện;</p> <p>- Quyết định số 7453/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 (đợt 1)</p> <p>- Quyết định số 12997/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Long Thành V/v phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022</p> |
| 36  | Khu tái định cư Long Phước              | xã Long Phước        |                  | 34,00                   | -                               | 0,25                             |                                | <p>Dự án Khu tái định cư Long Phước đã được HĐND tỉnh thông qua thu hồi đất tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022</p> <p>- Đã được HĐND huyện thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/9/2022; Quyết định số 9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND huyện;</p> <p>- Quyết định số 12997/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Long Thành về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;</p>                         |